

**CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VICEM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

512
:NG
TNI
:CÁN
MVI
:T.P

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Lê Xuân Khôi	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2020)
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Minh Huy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đỗ Văn Huân

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Số: 168/2021/KT-RSMHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Logistics Vicem tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2020-026-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		310.735.715.648	300.153.399.964
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		20.389.483.860	13.032.348.234
1. Tiền	111	4.1	20.389.483.860	13.032.348.234
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	125.013.421.556	120.153.684.971
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.990.879.270	20.990.879.270
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.069.495.270)	(4.780.295.270)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		106.092.037.556	103.943.100.971
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		163.770.002.009	165.541.719.603
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	158.610.389.803	163.577.462.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	2.067.952.989	691.767.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.728.805.081	3.202.975.867
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.637.145.864)	(1.930.485.482)
IV. Hàng tồn kho	140	4.7	1.421.956.454	571.211.602
1. Hàng tồn kho	141		1.421.956.454	571.211.602
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		140.851.769	854.435.554
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		140.851.769	854.435.554
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.466.487.515	125.587.623.995
I. Tài sản cố định	220		92.466.487.515	112.587.623.995
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	92.466.487.515	112.587.623.995
Nguyên giá	222		263.421.077.382	261.714.626.876
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.954.589.867)	(149.127.002.881)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	13.000.000.000	13.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		416.202.203.163	425.741.023.959

(Xem trang tiếp theo)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		80.217.856.246	91.291.589.072
I. Nợ ngắn hạn	310		80.217.856.246	91.291.589.072
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	60.656.729.319	76.016.328.562
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	1.406.861.526	2.019.538.371
3. Phải trả người lao động	314	4.11	12.513.368.504	9.032.693.936
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	1.936.647.018	575.600.932
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	802.256.153	1.732.454.677
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.14	2.901.993.726	1.914.972.594
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		335.984.346.917	334.449.434.887
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	335.984.346.917	334.449.434.887
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		124.017.503.555	120.157.473.979
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.856.060.030	30.181.177.576
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.103.018.000	1.301.086.685
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.753.042.030	28.880.090.891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		416.202.203.163	425.741.023.959



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Lý
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	5.1	282.084.120.294	271.910.968.529
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		282.084.120.294	271.910.968.529
3. Giá vốn hàng bán	11	5.2	237.067.070.275	225.369.944.913
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.017.050.019	46.541.023.616
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	9.472.120.285	8.830.292.962
6. Chi phí tài chính	22	5.4	(2.710.690.904)	(1.409.616.000)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	24.888.939.561	20.238.058.628
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.310.921.647	36.542.873.950
9. Thu nhập khác	31		268.561.861	294.789.375
10. Chi phí khác	32		458.978.589	638.946.108
11. Lợi nhuận khác	40		(190.416.728)	(344.156.733)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.120.504.919	36.198.717.217
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	6.367.462.889	7.318.626.326
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.753.042.030	28.880.090.891



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Lý
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.120.504.919	36.198.717.217
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	22.270.202.843	22.524.491.757
Các khoản dự phòng	03		(3.004.139.618)	(917.955.408)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.598.816.737)	(8.946.674.936)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		41.787.751.407	48.858.578.630
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		3.270.596.018	(37.079.608.522)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(850.744.852)	916.392.087
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.459.593.941)	30.314.862.482
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(6.968.626.326)	(7.343.894.914)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.506.308.868)	(5.798.336.301)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.273.073.438	29.867.993.462
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.149.066.363)	(1.801.936.858)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		144.412.728	122.477.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(153.062.914.220)	(185.470.520.149)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		150.913.977.635	169.527.419.178
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.962.448.988	7.807.984.982
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.808.858.768	(9.814.575.574)

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nỗ, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(15.724.796.580)	(19.655.995.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.724.796.580)	(19.655.995.725)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		7.357.135.626	397.422.163
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.032.348.234	12.634.926.071
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	20.389.483.860	13.032.348.234



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Lý
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 07 năm 2020 để đổi tên công ty (tên cũ: Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên) và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
Cộng	131.040.000.000	100,00	131.040.000.000	100,00

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 241 (31/12/2019: 231).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có công ty con như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Lầu 05, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	65,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức Kế toán trên máy vi tính.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- | | |
|----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn | 10 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 08 năm |

3.7. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

3.8. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.11. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm khoản dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao TSCĐ; thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng phải thu khó đòi; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

3.15. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	262.023.738	162.407.747
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.127.460.122	12.869.940.487
Cộng	<u>20.389.483.860</u>	<u>13.032.348.234</u>

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	20.990.879.270	18.921.384.000	20.990.879.270	16.210.584.000
		(2.069.495.270)		(4.780.295.270)

Đầu tư cổ phiếu:

Đầu tư nắm giữ đến hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng.

Đầu tư góp vốn vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (a)	13.000.000.000	(*)	13.000.000.000	(*)
		-		-

(a) Khoản đầu tư này chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	102.070.463.380	112.727.213.518
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Long Phước	26.737.794.884	15.250.343.596
Các khách hàng khác	29.802.131.539	35.599.905.104
Cộng	158.610.389.803	163.577.462.218

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan - Xem thêm mục 6	389.355.989	-
Trả trước cho người bán:		
Công ty Cổ phần Hàng Hải Seven Seas	460.000.000	-
Ông Đỗ Khôi Nguyên	418.000.000	400.000.000
Các nhà cung cấp khác	800.597.000	291.767.000
Cộng	2.067.952.989	691.767.000

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.618.167.702	-	2.126.212.681	-
Ký cược, ký quỹ	690.000.000	-	300.000.000	-
Phải thu khác	1.420.637.379	-	776.763.186	-
Cộng	4.728.805.081	-	3.202.975.867	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Nãi, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.793.560.733	156.414.869	3.013.287.990	1.082.802.508

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	979.302.000	-
Công ty TNHH Cát Tường Hậu Giang	459.522.890	-	459.522.890	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại DIC	190.452.185	57.135.655	190.452.185	95.226.093
Công ty TNHH Sơn Hạ Long	30.000.000	9.000.000	45.000.000	22.500.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Đầu tư Tổng hợp & Hợp tác Quốc tế	18.596.737	9.298.368	58.596.737	41.017.716
Các khách hàng khác	115.686.921	80.980.846	1.280.414.178	924.058.699
Cộng	1.793.560.733	156.414.869	3.013.287.990	1.082.802.508

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	753.376.472	-	412.606.500	-
Công cụ, dụng cụ	140.088.738	-	4.045.102	-
Hàng gửi đi bán	528.491.244	-	154.560.000	-
Cộng	<u>1.421.956.454</u>	-	<u>571.211.602</u>	-

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	2.203.932.585	255.660.226.380	3.850.467.911	261.714.626.876
Mua trong năm	-	-	2.149.066.363	2.149.066.363
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(442.615.857)	(442.615.857)
Tại ngày 31/12/2020	2.203.932.585	255.660.226.380	5.556.918.417	263.421.077.382
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	2.051.706.600	144.993.886.982	2.081.409.299	149.127.002.881
Khấu hao trong năm	60.890.388	21.645.281.112	564.031.343	22.270.202.843
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(442.615.857)	(442.615.857)
Tại ngày 31/12/2020	2.112.596.988	166.639.168.094	2.202.824.785	170.954.589.867
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	152.225.985	110.666.339.398	1.769.058.612	112.587.623.995
Tại ngày 31/12/2020	91.335.597	89.021.058.286	3.354.093.632	92.466.487.515

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 41.671.259.826 VND.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6	721.387.097	721.387.097	461.307.827	461.307.827
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	29.646.720.068	29.646.720.068	39.432.944.115	39.432.944.115
Công ty TNHH Vận tải Hàn Tiến	7.310.277.704	7.310.277.704	7.018.744.915	7.018.744.915
Phải trả cho các đối tượng khác	22.978.344.450	22.978.344.450	29.103.331.705	29.103.331.705
Cộng	60.656.729.319	60.656.729.319	76.016.328.562	76.016.328.562

4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải nộp	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	9.403.803.484	9.403.803.484	9.403.803.484	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.217.462.889	6.367.462.889	6.968.626.326	6.968.626.326	1.818.626.326	1.818.626.326
Thuế thu nhập cá nhân	189.398.637	728.684.328	740.197.736	740.197.736	200.912.045	200.912.045
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.284.036.728	1.284.036.728	1.284.036.728	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	1.406.861.526	17.786.987.429	18.399.664.274	18.399.664.274	2.019.538.371	2.019.538.371

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	1.739.647.018	490.600.932
Các khoản chi phí phải trả khác	197.000.000	85.000.000
Cộng	1.936.647.018	575.600.932

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Cổ tức phải trả	3.689.705	3.686.285
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
Các khoản phải trả khác	252.566.448	1.182.768.392
Cộng	802.256.153	1.732.454.677

4.14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số dư đầu năm	1.914.972.594	2.059.490.666
Trích lập trong năm	8.493.330.000	5.653.818.229
Sử dụng trong năm	(7.506.308.868)	(5.798.336.301)
Số dư cuối năm	2.901.993.726	1.914.972.594

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Địa chỉ: Số 296, Đường Trần Náo, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15. Vốn chủ sở hữu****4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2019	131.040.000.000	53.070.783.332	117.000.238.488	29.768.140.405	330.879.162.225	
Lãi trong năm trước	-	-	-	28.880.090.891	28.880.090.891	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.157.235.491	(3.157.235.491)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(5.653.818.229)	(5.653.818.229)	
Chia cổ tức	-	-	-	(19.656.000.000)	(19.656.000.000)	
Tại ngày 01/01/2020	131.040.000.000	53.070.783.332	120.157.473.979	30.181.177.576	334.449.434.887	
Lãi trong năm nay	-	-	-	25.753.042.030	25.753.042.030	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.860.029.576	(3.860.029.576)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8.493.330.000)	(8.493.330.000)	
Chia cổ tức	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)	
Tại ngày 31/12/2020	131.040.000.000	53.070.783.332	124.017.503.555	27.856.060.030	335.984.346.917	

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.15.2. Cổ phiếu**

	<u>Tại ngày 31/12/2020</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Tại ngày 31/12/2020</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020</u>
Ngoại tệ các loại:		
USD	124,87	69.838,07

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	254.104.914.291	246.268.490.433
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	11.759.296.805	6.236.670.173
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	9.132.550.356	11.976.624.688
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	4.183.957.990	4.512.327.781
Doanh thu cho thuê kho	2.400.000.000	2.400.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	503.400.852	516.855.454
Cộng	<u>282.084.120.294</u>	<u>271.910.968.529</u>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 6

	156.940.499.087	153.853.214.329
--	-----------------	-----------------

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	229.039.959.919	214.185.233.596
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.027.110.356	11.184.711.317
Cộng	<u>237.067.070.275</u>	<u>225.369.944.913</u>

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.153.220.009	7.523.013.663
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.301.184.000	1.301.184.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.716.276	6.095.299
Cộng	<u>9.472.120.285</u>	<u>8.830.292.962</u>

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(2.710.800.000)	(1.409.616.000)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	109.096	-
Cộng	<u>(2.710.690.904)</u>	<u>(1.409.616.000)</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí cho nhân viên	10.323.311.972	9.689.183.861
Chi phí vật liệu quản lý	296.244.785	415.136.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	672.392.546	414.960.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	624.921.731	502.325.093
Thuế, phí và lệ phí	1.855.276.176	2.120.775.004
Chi phí/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(293.339.618)	491.660.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.870.941.074	1.588.170.089
Chi phí khác bằng tiền	5.539.190.895	5.015.847.713
Cộng	<u>24.888.939.561</u>	<u>20.238.058.628</u>

5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.341.709.159	24.060.645.736
Chi phí nhân công	50.060.692.514	45.939.137.590
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.270.202.843	22.524.491.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.183.046.776	144.406.645.959
Chi phí khác	7.100.358.544	8.677.082.499
Cộng	<u>261.956.009.836</u>	<u>245.608.003.541</u>

5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	32.120.504.919	36.198.717.217
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.017.993.524	1.695.598.411
Thu nhập được miễn thuế	(1.301.184.000)	(1.301.184.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	31.837.314.443	36.593.131.628
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>6.367.462.889</u>	<u>7.318.626.326</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty có cùng Công ty mẹ
4. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
5. Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty
6. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng Công ty mẹ
7. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty có cùng Công ty mẹ
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	96.781.961.761	108.782.187.380
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	3.401.546.498	547.299.542
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	1.886.955.121	3.293.895.044
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	-	103.831.552
Cộng - Xem thêm mục 4.3	<u>102.070.463.380</u>	<u>112.727.213.518</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn - Xem thêm mục 4.4:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	389.355.989	-
Phải trả người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	(721.387.097)	-
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	-	(461.307.827)
Cộng - Xem thêm mục 4.9	<u>(721.387.097)</u>	<u>(461.307.827)</u>

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	142.775.674.651	142.150.700.471
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	6.433.873.175	10.668.163.700
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	7.548.748.719	497.545.038
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	182.202.542	536.805.120
Cộng - Xem thêm mục 5.1	<u>156.940.499.087</u>	<u>153.853.214.329</u>

Thuê tài sản:

Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	3.349.677.420	-
--	---------------	---

Mua dịch vụ:

Tổng công ty Xi măng Việt Nam	702.686.214	1.362.078.930
-------------------------------	-------------	---------------

Cổ tức đã chia:

Tổng công ty Xi măng Việt Nam	7.874.979.840	9.843.541.500
-------------------------------	---------------	---------------

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	760.080.000	754.080.000
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 17/06/2020)	36.000.000	-
Ông Lê Xuân Khôi	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/04/2020)	18.000.000	48.000.000
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc	464.712.000	462.069.500
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên HĐQT	48.000.000	32.000.000
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên HĐQT	48.000.000	32.000.000
Ông Hồ Sỹ An	Thành viên HĐQT	48.000.000	32.000.000
Cộng		<u>1.422.792.000</u>	<u>1.360.149.500</u>

7. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	222.000.000	222.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	2.310.036.728	1.598.857.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Từ 1 năm trở xuống	258.000.000	853.193.280

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/01/2020 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2020 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Vốn khác của chủ sở hữu	-	114.060.604.975
Quỹ đầu tư phát triển	120.157.473.979	6.096.869.004

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên để đảm bảo tính phù hợp của số liệu so sánh và bản chất của các nghiệp vụ phát sinh. Ban Tổng Giám đốc tin rằng, việc báo cáo lại sẽ cung cấp thông tin hữu ích hơn cho người đọc.

(Xem trang tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù không tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 31/12/2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Trần Thị Lý
Kế toán trưởng

Võ Thị Ngọc Diễm
Người lập

